

(Đề gồm có **03** trang)

I/ TRẮC NGHIỆM (3 điểm): Chọn đáp án đúng nhất và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Cách viết biểu diễn số hữu tỉ là

- A. $\frac{3}{0}$. B. -3,3 C. $\frac{2,1(3)}{2}$. D. $\frac{\sqrt{2}}{5}$.

Câu 2: Tập hợp số hữu tỉ \mathbb{Q} gồm

- A. Số nguyên âm; số nguyên dương và số 0. B. Số hữu tỉ âm.
C. Số 0, số hữu tỉ dương và số hữu tỉ âm. D. Số hữu tỉ dương.

Câu 3: Số đối của $-\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{2}{-1}$ B. $\frac{-1}{-2}$ C. $\frac{-1}{2}$ D. $\frac{1}{-2}$

Câu 4: Khẳng định nào sau đây là **SAI**?

- A. $\frac{-3}{-5} > 0$. B. $\frac{-3}{10} < 0$. C. $-\frac{1}{2} < 3$. D. $\frac{-2}{-3} > \frac{2}{3}$.

Câu 5: Khẳng định nào sau đây **đúng**?

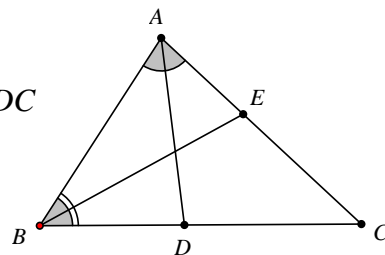
- A. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$, ta có $x^1 = 1$.
B. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$ và $x \neq 0$, ta có $x^0 = 0$.
C. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$, ta có $x^m \cdot x^n = x^{m+n}$. ($m, n \in \mathbb{N}$)
D. Với mọi $x \in \mathbb{Q}$, ta có $x^m : x^n = x^{m-n}$.

Câu 6: Số x^8 **không** phải là kết quả của phép tính nào sau đây?

- A. $x^2 \cdot x^6$. B. $x^{18} : x^{10} (x \neq 0)$. C. $x^4 \cdot x^4$. D. $(x^4)^4$.

Câu 7: Cho hình vẽ bên. Tia BE là tia phân giác của

- A. $\angle ABC$ B. $\angle BAC$. C. $\angle ACB$. D. $\angle ADC$



Câu 8: Biết Oz là tia phân giác của góc xOy và $\angle zOy = 60^\circ$.

khi đó số đo của $\angle xOz$ bằng

- A. 60° . B. 30° . C. 120° D. 20°

Câu 9: Cho điểm A nằm ngoài đường thẳng d. Số đường thẳng đi qua điểm A mà không song song với đường thẳng d là

A. 0

B. 1

C. 2

D. Vô số

Câu 10. Trong định lí: " Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia." Kết luận của định lí là

A. "Nếu một đường thẳng vuông góc".

B. "Nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".

C. "Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".

D. "Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song".

Câu 11: Cho hai tam giác NMP và EDF có $MN = DE$; $NP = EF$, $MP = DF$, Ta có:

A. $\triangle MNP = \triangle DFE$.B. $\triangle MPN = \triangle EDF$.C. $\triangle NMP = \triangle DFE$.D. $\triangle NMP = \triangle EDF$.

Câu 12. Cho biết $\triangle ABC = \triangle MNP$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. $AB = MN$.B. $BC = MP$ C. $\hat{B} = \hat{M}$.D. $AC = MN$.

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1: (0,75 điểm) Viết phép tính -17: 11 dưới dạng số thập phân và sau đó làm tròn kết quả đến độ chính xác 0,005.

Bài 2: (1,75 điểm) Tính hợp lý nếu có thể:

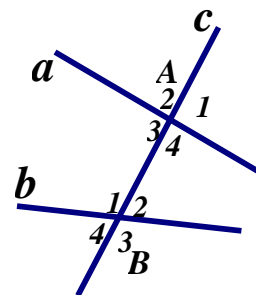
a) $\left(\frac{-2}{7}\right)^{2025} : \left(\frac{-2}{7}\right)^{2023}$

b) $\frac{-1}{2} \cdot \frac{-4}{9} + \frac{-5}{9}$

c) $\frac{4}{9} \cdot \frac{1}{2025} + \left(\frac{2}{3}\right)^2 \cdot \frac{2024}{2025} - 2\frac{1}{12}$

Bài 3:(1,0 điểm): Cho hình 1:

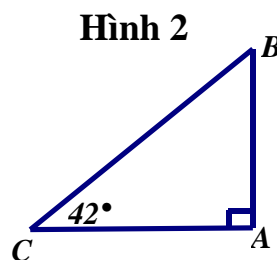
Trả lời các câu hỏi sau vào giấy bài làm.

a) Góc đối đỉnh với B_2 làb) Góc đối đỉnh với B_3 làc) Góc kề bù với A_1 là.....d) $A_1 + A_4 = \dots\dots\dots$ (kề bù)

Hình 1

Bài 4 (0,5 điểm) Cho hình 2.

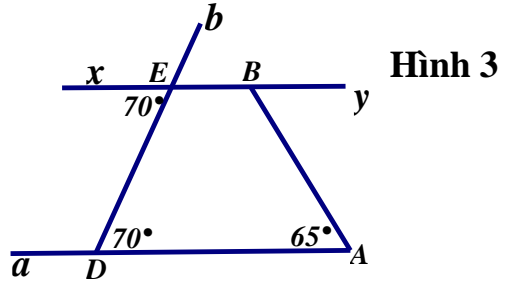
Hãy tính số đo của góc B.



Hình 2

Bài 5 (2,0 điểm) Cho hình 3.

- a) Giải thích tại sao $xy \parallel AD$.
- b) Tính số đo góc ABx .
- c) Tính số đo góc ABE .



Bài 6:(1,0 điểm) Một công trường xây dựng cần chuyển về 35,7 tấn sắt. Lần đầu chở được $\frac{4}{7}$ số sắt đó về bằng xe tải, mỗi xe tải chở được 1,7 tấn sắt, lần thứ hai chở hết số sắt còn lại với số xe tải bằng $\frac{1}{2}$ số xe lúc đầu. Hỏi mỗi xe lúc sau chở được bao nhiêu kilogam sắt?

-----HẾT-----